

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày: 18/9/2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Cường và Hồ Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Tòa án khu vực 4 – Nghệ An

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên
tòa:*** Bà Văn Thị Hà - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-DS ngày 21/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số A P, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (Theo Quyết định số 42/QĐ-TTGSNH2 ngày 14/02/2025 của cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Đ)

Địa chỉ: Số G, phố L, phường C, Hà Nội (Theo Quyết định số 237/QĐ-NHNN ngày 14/02/2025 của Ngân hàng N về việc sửa đổi nội dung về trụ sở chính)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V – Giám đốc phòng G

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Hồng H1 – Cán bộ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Vân A, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi ĐKTT trước khi xuất cảnh: Thôn D T, xã Q (trước đây là thôn D, xã T, huyện Q), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2025, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ trình bày:

Ngày 10/02/2015 Ngân hàng TMCP Đ ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0134008501T15004 và khế ước nhận nợ với chị Lê Thị Vân A, vay tín chấp theo diện trả góp liên kết Hội liên hiệp phụ nữ, số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ 10/02/2015 đến ngày 06/02/2016, theo hợp đồng tín dụng số 0134008501T5004, mục đích vay tiêu dùng trả góp, lãi suất 9%/ năm, lãi suất quá hạn là 13,5%/ năm.

Tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 02/02/2015 thể hiện: Số tiền vay là 20.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 10/02/2015 đến 06/02/2016; mục đích: tiêu dùng; lãi suất 9%/năm; lãi phạt chậm trả bằng 1.5 lần lãi suất trong hạn.

Quá trình vay nợ, chị Lê Thị Vân A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong khế ước nhận nợ. Ngày 25/3/2016 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn. Từ khi vay nợ đến nay chị Vân A đã trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Ngày 10/9/2016 chị Lê Thị Vân A đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền là 12.950.000đ, trong đó tiền gốc 11.512.307đ, tiền lãi 1.437.693đ, ngày 09/7/2025 chị Vân A đã trả gốc số tiền 4.000.000đ, ngày 11/8/2025 chị Vân A đã tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 4.487.693đ và tiền lãi 13.307đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Vân A phải thanh toán cho ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 11.357.462đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 330.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.027.462đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2025 ông Cao Thanh H2 trình bày:

Ông là bố đẻ của chị Vân A. Năm 2015 chị Vân A và chồng đã định cư tại Đức, địa chỉ cụ thể ông không biết. Sau khi định cư tại Đức chị Vân A đã chuyển khẩu về xã T, nay là xã Q chứ không về nhà. Đã từ lâu chị Vân A không về và cũng không liên lạc gì với gia đình ông. Khoản vay trên là của chị Vân A với ngân hàng, vợ chồng ông không liên quan. Quá trình giải quyết Tòa án có gửi các văn bản về việc ngân hàng khởi kiện chị Vân A, vợ ông là người nhận. Vợ chồng ông không liên quan đến khoản nợ của chị A, đã lâu rồi chị A không về nhà, cũng không liên lạc gì cả.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Vân A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án, Quyết định

hoãn phiên tòa nhưng chị Vân A vắng mặt, không có bản tự khai, không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án.

Công văn của Cục Q Bộ C Công an tỉnh N: bà Lê Thị Vân A đã xuất cảnh ngày 22/9/2023 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1 bài, chưa có thông tin nhập cảnh.

Công văn về việc cung cấp thông tin công dân của Cục Q1 ngoài nước trả lời trên hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không có thông tin về chị Lê Thị Vân A .

Biên bản xác minh ngày 29/5/2024 tại Công an xã V, huyện T, thành phố Hà Nội: theo tra cứu tại hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia, Chị Lê Thị Vân A không sinh sống tại T/t 664 xã V, huyện T, thành phố Hà Nội từ ngày 01/7/2021 cho đến nay, theo tra cứu tại hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia, Chị Lê Thị Vân A hiện nay có đăng ký HKTT tại thôn D, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Kết quả xác minh tại UBND xã Q ngày 16/7/2025: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Q (trước đây là xã T, huyện Q) tỉnh Nghệ An, hiện nay chị Vân A không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Tư cách tham gia tố tụng; Quan hệ tranh chấp; Xác minh thu thập chứng cứ; Tổ chức hòa giải và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng theo quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt, đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 103, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH một thành viên Đ chi nhánh T, Phòng G (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP Đ). Buộc bà Lê Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ chi nhánh T, Phòng G (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP Đ) số tiền nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/01/2015 tạm tính đến ngày ngày 18/9/2025 là 11.357.462đ (Mười một triệu ba trăm năm

mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 330.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.027.462đ

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trước đây chị Lê Thị Vân A cư trú tại số A hẻm B ngách B G, phường G, quận H, Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án và chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An sau khi có kết quả xác minh về việc chị Vân A đã đăng ký hộ khẩu tại thôn D, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hiện nay bị đơn chị Lê Thị Vân A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D T, xã Q (trước đây là thôn D, xã T, huyện Q), tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3]. Về xác định tư cách tố tụng của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, người khởi kiện là Ngân hàng TMCP Đ, căn cứ khoản 2 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Đến ngày 20/6/2025 Ngân hàng thông qua người đại diện theo ủy quyền mới giao nộp các tài liệu về việc chuyển giao Ngân hàng TMCP Đ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H và đổi tên ngân hàng TMCP Đ đồng thời trở thành người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Đ.

Tại các bản tự khai, Ngân hàng TNHH một thành viên Đ tiếp tục yêu cầu bị đơn thực hiện các nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng và giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn chị Lê Thị Vân A. Căn cứ khoản 4 Điều 74 BLTTDS, HĐXX xác định Ngân hàng TNHH một thành viên Đ tham gia tố tụng với tư cách là kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số 0134008501T15004 và giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 21/01/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đ và chị Lê Thị Vân A được ký kết hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay. Tuy nhiên, về phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết và phải chịu mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Lê Thị Vân A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Vân A không có mặt và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Trong các ngày 09/7/2025 và 11/8/2025 chị Vân A đã thanh toán hết nợ gốc cho ngân hàng, chưa thanh toán lãi suất nên phải chịu lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo cam kết hợp đồng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Vì vậy, việc Ngân hàng TNHH một thành viên Đ khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Vân A trả số tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký (lãi trong hạn, lãi quá hạn) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần buộc chị Lê Thị Vân A trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 18/9/2025 như người kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng yêu cầu là có căn cứ, buộc bị đơn chị Lê Thị Vân A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ toàn bộ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 11.357.462đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 330.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.027.462đ theo Hợp đồng cho vay 0134008501T15004 và giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 21/01/2015. Chị Vân A1 tiếp tục tiếp tục chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ theo mức lãi suất thỏa thuận.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chị Lê Thị Vân A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí, Điều 147 BLTTDS 2015.

Trả lại cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 351, 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2011 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, nay người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng TNHH một thành viên số Vikki

1. Buộc chị Lê Thị Vân A phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 18/9/2025 theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/01/2015 là 11.357.462đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 330.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.027.462đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị Vân A phải chịu 568.000đ (Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ số tiền 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000437 ngày 10/10/2023.

5. Nguyên đơn Ngân hàng TNHH một thành viên Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án, bị đơn chị Lê Thị Vân A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- TAND tỉnh NA
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS-VP.

Trần Thị Nghệ